

CÔNG TY CỔ PHẦN Y HỌC TRƯỜNG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN Y HỌC TRƯỜNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG MINH MEDICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110482525

3. Ngày thành lập: 20/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

K7.TT1-BT62, Khu biệt thự Starlake, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 868 003 399

Fax:

Email: info@yhoctruongtho.com

Website: www.yhoctruongtho.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
3.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ internet và dịch vụ gia tăng trên mạng internet; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá	4610
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xây dựng và phát triển thương hiệu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh, xuất nhập khẩu uỷ thác cho các đơn vị trong nước; huyền giao công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh, thương mại, phân phối, bán buôn, bán lẻ hàng hoá, sản phẩm, máy móc, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình và truyền thông đa phương tiện; Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;	8299

13.	Đào tạo sơ cấp	8531
14.	Đào tạo trung cấp	8532
15.	Đào tạo cao đẳng	8533
16.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
17.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
19.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
20.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Bệnh viện (không có bệnh nhân lưu trú và không hoạt động tại trụ sở)	8610
21.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám nội tổng hợp; Phòng khám bác sĩ gia đình; Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội; - Phòng khám chuyên khoa điều dưỡng phục hồi chức năng và vật lý trị liệu; Hoạt động tư vấn khám chữa bệnh của phòng khám đa khoa và chuyên khoa bao gồm cả hình thức tư vấn ứng dụng công nghệ 4.0; Hoạt động tư vấn liệu pháp y học tái tạo	8620(Chính)
22.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
23.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng (trừ lưu trú bệnh nhân)	8692
24.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Trừ lưu trú bệnh nhân). Chi tiết: Phòng chẩn trị y học cổ truyền; Hoạt động của phòng xét nghiệm; Hoạt động của phòng thí nghiệm X-quang và các trung tâm chẩn đoán qua hình ảnh khác; Cơ sở dịch vụ tiêm chích, thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà; Gửi mẫu xét nghiệm, bệnh phẩm đi nước ngoài; Đại lý/ tư vấn gửi bệnh nhân đi điều trị tại nước ngoài; Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ; Cơ sở dịch vụ xoa bóp.	8699
25.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
26.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
27.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
28.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
29.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
30.	Lập trình máy vi tính	6201
31.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
32.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
33.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
34.	Cổng thông tin Chi tiết: Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí); Thiết lập mạng xã hội; Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312

35.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ thông tin Nhà nước cấm)	6399
36.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn tài chính, Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, pháp luật và chứng khoán), các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.	6619
37.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
39.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
42.	Quảng cáo	7310
43.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
45.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
46.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, điện tử, thông tin và tin học (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Tư vấn nghiên cứu, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực tin học vào cuộc sống và vào các ngành công nghệ khác; Tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thẩm mỹ; Dịch vụ tư vấn chăm sóc sắc đẹp.	7490
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Sao chép bản ghi các loại	1820
50.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
51.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
52.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hoá qua internet; Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; Đấu giá bán lẻ qua internet; Hoạt động thương mại điện tử	4791

54.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hoá bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động; Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng)	4799
55.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
62.	Cơ sở lưu trú khác	5590
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
65.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
67.	Xuất bản phần mềm	5820
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
69.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
70.	Đại lý du lịch	7911
71.	Điều hành tua du lịch	7912
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
74.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
75.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
77.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
78.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

80.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
81.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. **Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ XUÂN HỢP	27 Hoa Đào, TDP46KP4 , Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.750.0 00	17.500.000.000	35,000	0010520057 44	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.750.0 00	17.500.000.000	35,000		

2	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Tổ dân phố Xuân Trung, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	0011750105 44
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000	
3	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Số 20 D2, KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	950.000	9.500.000.000	19,000	0361730002 85
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	950.000	9.500.000.000	19,000	
4	VŨ TUÂN	27 Hoa Đào, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	16,000	0790810058 13
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	16,000	

5	NGUYỄN NGỌC HUÂN	Tổ dân phố số 11, Phường Cầu Điền, Quận Nam Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	0010810025 93
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/06/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036173000285

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 20 D2, KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 20 D2, KĐT Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội